

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HS-ST

Ngày: 21/02/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà H- Thị Hương L.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà H- Thị Kim Oanh

2. Ông Bùi Thế Hanh

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2022/HSST ngày 25 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXX-HSST ngày 07 tháng 02 năm 2022, đối với các bị cáo :

1. Họ và tên: Nguyễn Trung D – sinh năm 1989 tên gọi khác: Không;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn Hương Câu, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L – sinh năm 1965; và bà: Nguyễn Thị T – sinh năm 1967; vợ: Ngô Ngọc Á – sinh năm 1993; con: có 02 con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con cả.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

+Bản án số:133/2012/HSST ngày 25/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong,tỉnh Bắc Ninh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 23/11/2012);

+ Bản án số: 61/2018/HS-ST, ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” (Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/01/2019 và chấp hành xong hình phạt bổ sung, abs phí vào ngày 27/8/2018);

Bị cáo Nguyễn Trung D đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/11/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa);

2. Họ và tên: Lê Văn T – sinh năm 1993; Tên gọi khác: Không;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn Hương Câu, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn H – sinh năm 1971; và bà: Phạm Thị T – sinh năm 1972; vợ: Dương Thị Lan – sinh năm 1993; con: có 02 con lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con cả.

Nhân thân, tiền sự: Không

Tiền án: Bản án số 61/2018/HS-ST ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xử phạt 18 triệu đồng về tội “ĐÁ bạc” (Chưa chấp hành xong hình phạt);

Bị cáo Lê Văn T đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 24/11/2021 đến ngày 02/12/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH vận tải và thương mại H-D

Địa chỉ: thôn Vân Xuyên, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

Do bà Trần Thị L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt);

Bà Lại có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T– sinh năm 1985(Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Vân Xuyên, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 9/2021, Lê Văn T – sinh năm 1993 và Nguyễn Trung D – sinh năm 1989 đều trú tại: thôn Hương Câu, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang cùng xin làm lái xe tại Công ty TNHH vận tải và thương mại H- D (Gọi tắt là Công ty H- D) có địa chỉ: tại thôn Vân Xuyên, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi ký hợp đồng lao động, D được giao lái xe ô tô tải có biển kiểm soát 98C – 087.24; T được giao lái xe ô tô biển kiểm soát 98C – 091.55 vận chuyển hàng từ các khu công nghiệp Đình Trám, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến tỉnh Lạng Sơn theo sự điều hành của Công ty Hoàng D. Đến tháng 10/2021, T và D được Công ty hoán đổi xe cho nhau. Trong thời gian này do tình hình phức tạp của dịch bệnh Covid – 19 nên các Công ty, nhà máy trong các khu công nghiệp và nhiều tỉnh, thành trong cả nước đã lập các chốt, trạm kiểm soát việc đi lại nhằm hạn chế lây lan dịch bệnh bằng cách những đối tượng được phép đi lại phải có xét nghiệm Sars – Covid – 2 bằng kỹ thuật Realtime RT – PCR mỗi giấy xét nghiệm có kết quả âm tính sẽ có giá trị sử

dụng trong 72 giờ, tại các cơ sở y tế được phép thực hiện xét nghiệm theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Công ty Hoàng D đã quán triệt đến các lái xe của công ty trong đó có Nguyễn Trung D và Lê Văn T phải thực hiện xét nghiệm đúng theo quy định của pháp luật và tiền các lái xe bỏ ra xét nghiệm sẽ được Công ty chi trả cho các lái xe vào cuối tháng theo kê khai của lái xe đối với từng lần xét nghiệm. Nguyễn Trung D và Lê Văn T ban đầu đã thực hiện đúng việc xét nghiệm tại Phòng khám đa khoa Công Vĩnh thuộc Công ty cổ phần bệnh viện Quốc tế Công Vĩnh; Địa chỉ: tại Tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Theo như lời khai của bị cáo D thì vào khoảng đầu tháng 10/2021, D vào mạng xã hội Facebook thấy một tài khoản đăng thông tin nhận làm giả các loại giấy tờ. D đã liên hệ, trao đổi về việc muốn làm giả các loại thông báo kết quả xét nghiệm Sars – Covid – 2 âm tính. Sau khi trao đổi, người nhận làm giả đồng ý làm giả với giá 80.000đ/1 giấy xét nghiệm và yêu cầu D cung cấp các thông tin cá nhân và mẫu giấy thông báo kết quả xét nghiệm cần làm giả. D thấy việc làm giả giấy xét nghiệm rẻ hơn với giấy thật là 20.000đ và không mất thời gian lấy mẫu và chờ kết quả xét nghiệm nên D đã truy cập vào Zalo “Điều vận Hoàng D” copy 01 mẫu giấy thông báo kết quả xét nghiệm Sars – Covid – 2 âm tính của Công ty cổ phần bệnh viện Hùng Cường; Có địa chỉ: tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Viết tắt Bệnh viện Hùng Cường), sau đó D cung cấp thông tin cá nhân của mình cho người làm giả để đặt 05 giấy thông báo kết quả xét nghiệm Sars – Covid – 2 âm tính giả mang tên bệnh viện Hùng Cường.

Sau khi đặt làm giả 05 giấy xét nghiệm xong D đã gọi điện cho Lê Văn T về việc có chỗ nhận làm thông báo kết quả xét nghiệm Sars – Covid – 2 âm tính giả mà không phải đi xét nghiệm với giá 400.000đ/05 tờ và hỏi T có làm không thì T đồng ý. Sau đó T gửi các thông tin cá nhân của mình cho D để D gửi cho đối tượng làm giả. Theo D và T khai nhận thì D đã thuê làm giả các giấy thông báo tất cả là 03 lần tổng số 36 tờ (Ba mươi sáu tờ) (Trong đó 18 tờ thông báo mang tên Nguyễn Trung D và 18 tờ mang tên Lê Văn T). D khai các lần lấy thông báo giả và trả tiền thì D nhận tại đường tỉnh lộ 295 thuộc xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa từ một người đàn ông không quen biết. Số giấy thông báo giả D và T sử dụng từ đầu tháng 10/2021 đến ngày 12/11/2021 thì Công ty Hoàng D cho D và T nghỉ việc. Toàn bộ 18 thông báo kết quả xét nghiệm giả của T được T để trong cabin xe ô tô tải mang BKS 98C – 087.24, số thông báo của D thì đa phần đã được D vứt đi, còn hai thông báo giả D để trong cabin xe ô tô mang BKS 98C – 091.55. Ngày 15/11/2021 anh Ngô Văn Thắng là điều hành vận tại của Công ty Hoàng D kiểm tra hai xe ô tô trên thì phát hiện 20 giấy thông báo kết quả xét nghiệm Sars – Covid – 2 âm tính nghi là giả mang tên bệnh viện Hùng Cường đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang giải quyết. Ngày 23/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã bàn giao vụ việc và các tài liệu liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa giải quyết theo thẩm quyền. Nguyễn Trung D đã thừa nhận D đã kê khai cho Công ty Hoàng D 07 giấy xét nghiệm giả và được T toán 700.000đ còn Lê Văn T đã kê khai 08 giấy xét nghiệm giả và được T toán 800.000đ.

Ngày 24/11/2021, Nguyễn Trung D và Lê Văn T đã đến Công an huyện Hiệp Hòa đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Khi đầu thú Nguyễn Trung D giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng có số IMEI: 355770073836909, lắp sim 0973029748; Lê Văn T giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ có số IMEI 1: 860146041178617; số IMEI 2: 860146041178609 lắp số sim 0862120893. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã khám xét khẩn cấp nơi ở của D và T, kết quả không thu giữ được gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã tiến hành kiểm tra điện thoại của D và T xác định tại mục tin nhắn Zalo “Điều vận Hoàng D” có các hình ảnh giấy thông báo kết quả xét nghiệm giả do D và T gửi thể hiện ngoài 20 giấy thông báo xét nghiệm âm tính giả của bệnh viện đa khoa Hùng Cường (18 giấy mang tên T, 02 giấy mang tên D) còn hình ảnh 10 giấy thông báo kết quả xét nghiệm âm tính mang tên D theo D khai đều là giả.

Ngày 26/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã ra quyết định số 223/QĐ trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định 20 (Hai mươi) thông báo kết quả xét nghiệm Sars – Covid – 2 của bệnh viện Hùng Cường. Tại bản kết luận giám định số 1917/KL – KHHS ngày 29/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN HÙNG CƯỜNG”, hình dấu chức danh có nội dung “GIÁM ĐỐC – Bs. Nguyễn Văn Làn” chữ ký mang tên Nguyễn Văn Làn dưới mục “Giám đốc” trên 20 (Hai mươi) Thông báo kết quả xét nghiệm Sars – Covid – 2 mang tên bệnh viện Hùng Cường là tài liệu giám định là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa tiến hành làm việc với bệnh viện Hùng Cường, bệnh viện xác định: Từ tháng 9/2021 đến ngày 24/11/2021 thì bệnh viện Hùng Cường không thực hiện xét nghiệm Sars – Covid – 2 cho Nguyễn Trung D và Lê Văn T.

*Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân của hai bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo vẫn giữ nguyên về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung D từ 04 năm 03 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2021, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 03 năm 08 tháng tù đến 04 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ là từ ngày 24/11/2021 đến ngày 02/12/2021.

-Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung công 02 điện thoại gồm:

+01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng có số IMEI: 355770073836909, lắp sim 0973029748 của Nguyễn Trung D;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ có số IMEI 1: 860146041178617; số IMEI 2: 860146041178609 lắp số sim 0862120893 của Lê Văn T;

-Về trách nhiệm dân sự: không xem xét, giải quyết;

-Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc bị cáo Nguyễn Trung D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; Hai bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng số 24/CT-VKS-HH ngày 24 tháng 01 năm 2022 đã nêu, phù hợp với lời khai của các bị cáo cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian xảy ra vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận bản Cáo trạng số 24/CT – VKSHH ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa truy tố các bị cáo: Nguyễn Trung D và Lê Văn T cùng về tội “Làm giả tài liệu của Cơ quan, tổ chức” theo khoản 3 Điều 341 BLHS là đúng người, đúng tội, không oan.

[3]. Vào khoảng tháng 10/2021 hai bị cáo Nguyễn Trung D và Lê Văn T là lái xe hợp đồng của Công ty TNHH Hoàng D, công việc của D và T là lái xe chở hàng theo sự điều hành của Công ty từ Bắc Giang lên Lạng Sơn và ngược lại. D và T đã có hành vi dùng giấy Sars – Covid – 2 âm tính giả để lưu hành và T toán tiền các giấy xét nghiệm âm tính giả với Công ty TNHH Hoàng D. Theo kết quả điều tra và tại phiên tòa HĐXX có đủ cơ sở để kết luận bị cáo D và T là những người có đầy đủ năng lực hành vi đã cùng nhau phạm tội “Làm giả tài liệu của Cơ quan, tổ chức”. Vì thế, có đủ cơ sở để xác định bị cáo D phải chịu trách nhiệm cho hành vi của mình với số lượng là 30 giấy thông báo Sars – Covid – 2 âm tính giả; Bị cáo T phải chịu trách nhiệm cho hành vi của mình với số lượng là 18 giấy thông báo Sars – Covid – 2 âm tính giả. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa truy tố các bị cáo về tội danh như vậy là có căn cứ.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hiện nay đại dịch Covid – 19 vẫn đang rất phức tạp và nguy hiểm, việc các bị cáo có giấy thông báo Sars – Covid – 2 âm tính giả đã làm cho các trạm chốt trên đường các bị cáo đi qua và những người tiếp xúc với các bị cáo tin tưởng là thông báo Sars – Covid – 2 âm tính thật mà đi qua một cách dễ dàng. Với ý thức và trách nhiệm của mỗi công dân trong việc ngăn chặn đại dịch covid – 19 thì hai bị cáo đã coi thường pháp luật, coi thường tính mạng và sức khỏe của người khác trong khi cả nước đã và đang rất vất vả để phòng chống. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc để xử phạt bị cáo và răn đe đối với các hành vi tương tự là có căn cứ.

[5] Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị, HĐXX xét thấy là tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Các bị cáo đã cùng cố ý thực hiện tội phạm nên khi xem xét quyết định hình phạt cần xem xét đến tính chất của đồng phạm, vai trò mức độ tham gia của từng bị cáo theo quy định tại Điều 17; Điều 58 BLHS. Đồng thời, đã giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo làm căn cứ mức phạt cho các bị cáo thì thấy:

-Về tính đồng phạm thì thấy đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn các bị cáo mua và sử dụng giấy xét nghiệm giả chỉ với mục đích là tiện cho công việc. Giữa bị cáo D và bị cáo T không có sự phân công, bàn bạc vì các bị cáo với mục đích sử dụng cho bản thân các bị cáo nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án HĐXX xét thấy bị cáo D là người chủ động tìm kiếm và thực hiện giao dịch với bên làm giả giấy xét nghiệm. Đồng thời cũng chính bị cáo rủ bị cáo T cùng tham gia và mua cho T nên bị cáo D phải chịu trách nhiệm với vai trò cao hơn của bị cáo T là có căn cứ.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của hai bị cáo thì thấy:

-Về nhân thân: bị cáo D có nhân thân xấu bị cáo đã bị xử phạt của hai Bản án là:

+ Bản án số 133/2012/HSST ngày 25/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 23/11/2012);

+ Bản án số 61/2018/HS-ST ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xử phạt 03 tháng tù về tội “Đá bạc” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/01/2019; Chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí ngày 27/8/2018);

- Về tình tiết giảm nhẹ Trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn và đấu thù và bị cáo D cũng có xác nhận tham gia quân ngũ. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho hai bị cáo là có căn cứ;

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bản án số:61/2018/HS-ST ngày 17/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xử phạt bị cáo Lê Văn T 18 triệu đồng nhưng bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS là có căn cứ. Bị cáo Nguyễn Trung D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Từ sự phân tích trên và việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị hình phạt áp dụng với các bị cáo tại phiên tòa HĐXX xét thấy. Các bị cáo đã từng vi phạm pháp luật và đã được xét xử răn đe bằng bản án nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn vi phạm pháp luật thể hiện bản chất liều lĩnh và coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian cụ thể để giáo dục và răn đe hai bị cáo là có căn cứ.

Đối với người đàn ông làm giấy thông báo kết quả xét nghiệm giả cho D và T, theo D khai nhận hai bên giao dịch qua mạng Internet, khi nhận giấy tờ giả và trả tiền cho người đàn ông đó thì D không biết tên, tuổi địa chỉ và hai bên đều đeo khẩu trang nên D không cung cấp được thông tin cụ thể về người đàn ông này. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh và xử lý người bán giấy tờ giả cho D là có căn cứ.

Đối với hành vi dùng giấy thông báo kết quả xét nghiệm giả để chiếm đoạt tài sản của D và T (Cụ thể D là 700.000đ và T là 800.000đ) với số tiền chưa đủ định lượng nên ngày 03/01/2022, Trưởng Công an huyện Hiệp Hòa đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với D và T là có căn cứ.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Trong hồ sơ vụ án đại diện theo pháp luật của Công ty Hoàng D xác nhận do tiền lương tháng 11 của các bị cáo làm một số ngày chưa được T toán nhưng các bị cáo đã vi phạm trong quá trình trông coi hàng hóa nên Công ty mới cho các bị cáo nghỉ việc nhưng công ty cũng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền các bị cáo đã T toán thông báo xét nghiệm giả cho Công ty. Tại phiên tòa bị cáo D và bị cáo T đều nhất trí với quan điểm của Công ty Hoàng D. Vì vậy, HĐXX xét thấy các bị cáo và phía Công ty Hoàng D không có tranh chấp trong vấn đề dân sự và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét tại vụ án này là có căn cứ.

[7] Về vật chứng: HĐXX xác định hai chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo D và bị cáo T khi hai bị cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa để đầu thú đều là vật chứng các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công hai chiếc điện thoại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng có số IMEI: 355770073836909, lắp sim 0973029748 của Nguyễn Trung D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ có số IMEI 1: 860146041178617; số IMEI 2: 860146041178609 lắp số sim 0862120893 của Lê Văn T là có căn cứ.

[8]. **Về án phí và quyền kháng cáo:** Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc hai bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và tuyên quyền kháng cáo cho hai bị cáo là có căn cứ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung D 04 năm 03 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 11 năm 2021.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 03 năm 08 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ là từ ngày 24/11/2021 đến ngày 02/12/2021.

*** Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: tịch thu sung công hai chiếc điện thoại:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng có số IMEI: 355770073836909, lắp sim 0973029748 của Nguyễn Trung D;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ có số IMEI 1: 860146041178617; số IMEI 2: 860146041178609 lắp số sim 0862120893 của Lê Văn T;

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc bị cáo Nguyễn Trung D và bị cáo Lê Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Kim Oanh Bùi Thế Hanh

Hoàng Thị Hương Lan

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Cơ quan điều tra Hiệp Hòa;
- Cơ quan THA hình sự Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS huyện Hiệp Hòa;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ
- Lưu

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HOÀNG THỊ HƯƠNG LAN